

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: **108/2017/HSST**

Ngày: 26/7/2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Mai Ngọc Lâm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Bùi Kim Hiếu**

2. Bà **Trần Thị Nghĩa**

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông **Hoàng Ngọc Trung Dũng** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà: Ông **Vũ Đức Thành** - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, Toà án nhân thành phố Đ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 178/2017/HSST ngày 11/4/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **T**, sinh năm 1990; Đăng ký hộ khẩu thường trú: đường T, thị trấn T, huyện A, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề Nghiệp: Làm nông; Con ông: H, sinh năm: 1956 và con bà T, sinh năm: 1977; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Bản án số 03/2013/HSST ngày 18/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Đắk Lắk xử phạt, T 04 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

- Bản án số 364/2015/HSST ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt, T 15 tháng tù giam về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Nhân thân: Ngày 30/11/2016, Công an huyện U, tỉnh D ra Quyết định xử phạt hành chính, xử phạt T 1.500.000đ về hành vi “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Bị cáo bị bắt ngày 12/10/2016 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **H**, sinh năm 1996; Đăng ký hộ khẩu thường trú: xã B, huyện A, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề Nghiệp: Làm nông; Con ông: T, sinh năm: 1969 và con bà T, sinh năm 1974; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 20/2014/HSST ngày 06/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Đắk Lắk xử phạt, H 06 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị bắt ngày 12/10/2016 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt tại phiên Tòa.

- Người bị hại:

1. Anh **A**, sinh năm: 1987, vắng mặt.

Trú tại: N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chị **T**, sinh năm: 1985, vắng mặt.

Trú tại: đường Q, phường X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Chị **H**, sinh năm: 1995, vắng mặt.

Trú tại: đường S, phường N, thành phố Đ tỉnh Lâm Đồng.

4. Bà **A**, sinh năm: 1972, vắng mặt

Trú tại: Thôn S, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **T**, sinh năm: 1974, có mặt.

Trú tại: xã B, huyện A, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông **T**, sinh năm: 1978, vắng mặt

Trú tại: khu S, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 9 giờ ngày 08/10/2016, T rủ H đi trộm cắp xe máy. H điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 47L1 – 132.98 chở T đi đến xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, phát hiện một xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu trắng đen biển số 47T1 – 004.67 còn cấm chìa khóa trên xe, dựng trước sân nhà, H dừng xe đứng cạnh giới để T trộm xe.

Bị hại là anh A, bị chiếm đoạt một xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu trắng đen biển số 47T1 – 004.67. Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện

K, tỉnh Đắk Lắk xác định chiếc xe có giá trị 5.408.000 đ. Anh A đã nhận lại không yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ hai: Ngày 09/10/2016, T và H điều khiển xe đã trộm cắp từ tỉnh Đắk Lắk lên Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và thuê phòng nghỉ tại Khách sạn P, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Khoảng 18 giờ 30 ngày 09/10/2016, H điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius biển số 47T1 – 004.67 đi trên đường Q, Phường X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. H điều khiển xe áp sát xe anh H để T giật giỏ xách của chị T ngồi phía sau rồi bỏ chạy.

Bị hại là chị T, bị chiếm đoạt 01 máy tính bảng hiệu Samsung Tab ST805 màu trắng; 01 túi xách bằng da màu xanh, có quai đeo, kích thước 30 x 40 cm; một số dụng cụ trang điểm của phụ nữ, 01 hộp quẹt ga, 01 chai dầu gió.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định: Tổng cộng trị giá các bị cáo chiếm đoạt là 6.950.000 đ. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T số tài sản đã thu giữ được, chị T không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Vụ thứ ba: Khoảng 19 giờ 30 ngày 11/10/2016, Cũng như thủ đoạn trên H chở T đi trên đường T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, H điều khiển xe áp sát xe anh T để T giật giỏ xách của chị H ngồi phía sau rồi bỏ chạy.

Bị hại là chị H, bị chiếm đoạt tài sản gồm: 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen chứa sim 0916.032.467; 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen chứa sim 0945.410.316; 01 hộp nhựa màu hồng; 01 nhẫn kim loại màu bạc; 02 bông tai bằng kim loại màu bạc có cấn đá màu đỏ hình bông hoa; 01 cục đá màu xanh lục hình con vật dài 2 cm, 01 cục đá màu vàng đục dài khoảng 3 cm; 01 cục sạc pin điện thoại Samsung; 01 túi xách giả da, màu nâu có quai đeo, kích thước 25x20 cm.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ, xác định: 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen có giá trị 80.000 đ, 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen có giá trị 80.000 đ; 01 nhẫn kim loại màu bạc có giá trị 35.000 đ; 02 bông tai bằng kim loại màu bạc có cấn đá màu đỏ hình bông hoa có giá trị 145.000 đ; 01 cục đá màu xanh lục hình con vật dài 2 cm, 01 cục đá màu vàng đục dài khoảng 3 cm, 01 cục sạc pin điện thoại Samsung, 01 hộp nhựa màu hồng đều không còn giá trị sử dụng; 01 túi xách giả da, màu nâu có quai đeo, kích thước 25x20 cm không có nhãn hiệu, không thu giữ được nên không có cơ sở để xác định giá. Tổng số tài sản của chị H bị chiếm đoạt là: 340.000 đ. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H.

Chị H trình bày còn bị chiếm đoạt 3.000.000 đ tiền mặt để trong giỏ xách, yêu cầu bồi thường số tiền 3.100.000 đ gồm 3.000.000 đ và 100.000 đ tương đương với giá trị giỏ xách.

Ngày 12/10/2016, T và H mang theo số tài sản chiếm đoạt được đến khu vực xã M, huyện U, tỉnh Bình Dương thì bị lực lượng Công an xã M phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trong người của T, H, 01 gói nylon chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy.

Cơ quan điều tra đã thu giữ những tang vật gồm:

Tiền mặt 3.700.000đ; 02 tượng hình con ngựa màu vàng, 02 tượng hình con rồng màu vàng, 01 cây gậy chụp hình, thân bằng kim loại màu bạc, tay cầm và đầu gậy bằng nhựa màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng, số IMEL 352083078283314, 01 Điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh đen, 01 nạn thun, 01 gậy ba khúc bằng kim loại màu trắng có bao cán bằng cao su.

Ngoài ra T còn thực hiện một vụ “Trộm cắp tài sản” khác trên địa bàn huyện K, tỉnh tỉnh Đắk Lắk cụ thể như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 07/09/2016, đối tượng tên S (chưa xác minh được lai lịch) điều khiển xe mô tô hiệu Dream II màu nâu, chở Tuấn đi từ Thành phố T, tỉnh tỉnh Đắk Lắk, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, trộm cắp một xe mô tô hiệu Honda Wave S màu vàng đen biển số 47T1 – 092.71. T và S bán cho một người (chưa rõ lai lịch) tại Thành phố T, tỉnh Đắk Lắk được 4.500.000đ. S chia cho T 2.000.000đ.

Bị hại là chị A, bị chiếm đoạt một xe mô tô. Hội đồng định giá, trị giá là 14.791.000 đ. Chị A yêu cầu Tuấn phải bồi thường 14.791.000 đ.

Bản cáo trạng số 83/CT - VKS ngày 22/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, truy tố các bị cáo:

- T về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

- H về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên Tòa hôm nay;

Bị cáo T và bị cáo H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát thành phố Đà Lạt truy tố, các bị cáo không thắc mắc hay khiếu nại.

Qua thẩm tra tại phiên Tòa, xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo, đại diện viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đ, đề nghị:

Tuyên bố:

- Bị cáo T phạm tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo H phạm tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Hình phạt:

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt, T từ 06 đến 07 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt, T từ 03 đến 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt, đề nghị xử phạt T từ 09 đến 11 năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt, H từ 05 đến 06 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”

- Áp dụng khoản 1 Điều 138 điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt, H từ 12 đến 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt, đề nghị xử phạt H từ 06 đến 08 năm tù.

Trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 589 của Bộ luật dân sự.

- Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho chị H 100.000đ; Anh T 3.500.000đ.

- Buộc bị cáo T bồi thường cho chị A, một xe mô tô hiệu Honda Wave S màu vàng đen biển số 47T1 – 092.71, trị giá là 14.791.000đ.

Xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 41 của Bộ luật hình sự.

- Trả cho các bị cáo 3.700.000đ; 02 tượng hình con ngựa màu vàng, 02 tượng hình con rồng màu vàng, 01 cây gậy chụp hình, thân bằng kim loại màu bạc, tay cầm và đầu gậy bằng nhựa màu trắng; Trả cho bị cáo H: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng, số IMEL 352083078283314; Trả cho bị cáo T 01 Điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh đen. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tiêu hủy: 01 nạn thun, 01 gậy ba khúc bằng kim loại màu trắng có bao cán bằng cao su.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

* Việc chấp hành của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Qua xem xét về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

* Hành vi phạm tội của các bị cáo:

Ngày 08/10/2016 đến ngày 11/10/2016, T đã rủ H thực hiện một vụ trộm cắp trên địa bàn huyện K, tỉnh Đắk Lắk chiếm đoạt tài sản có giá trị là 5.408.000 đ và sử dụng xe mô tô là phương tiện nguy hiểm để thực hiện hai vụ cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, chiếm đoạt số tài sản có tổng giá trị là 7.290.000 đ. Ngoài ra, ngày 07/9/2016, T còn cùng một đối tượng tên Sơn trộm cắp xe máy trị giá 14.791.000 đ tại huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, T đã thực hiện: 02 vụ “*Trộm cắp tài sản*” với tổng giá trị là 20.199.000 đ, 02 vụ “*Cướp giật tài sản*” với tổng giá trị là 7.290.000 đ; H thực hiện: 01 vụ “*Trộm cắp tài sản*” với giá trị là 5.408.000 đ, 02 vụ “*Cướp giật tài sản*” với tổng giá trị là 7.290.000 đ.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên Tòa hôm nay là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ cũng như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cùng với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ tang vật và các tài liệu liên quan khác như vậy đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo T, phạm tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự. H phạm tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo là liều lĩnh xem thường pháp luật thể hiện ở chỗ; để có tiền tiêu xài các bị cáo lợi dụng tài sản không có người trông coi đã lén lút lấy tài sản và dùng xe mô tô làm phương tiện di chuyển giật tài sản người bị hại. Rõ ràng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tới cùng, việc bị phát hiện và bắt giữ là nằm ngoài ý muốn của các bị cáo, hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần xét xử nghiêm minh phù hợp với tính chất, mức độ hành vi các bị cáo gây ra, phải cách ly các bị cáo khỏi cuộc sống cộng đồng một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay.

Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét nhân thân các bị cáo là nhân dân lao động, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự là tình tiết

giảm nhẹ cho các bị cáo. Các bị cáo phạm tội nhiều lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong vụ án có hai bị cáo tham gia, không có sự bàn bạc xấp xếp, đồng phạm mang tính giản đơn. Tuy nhiên các bị cáo tham gia với tính chất mức độ khác nhau, bị cáo T là người rủ rê lôi kéo bị cáo H và cùng thực hiện, hành vi phạm tội. Nên xét vai trò mức án của bị cáo T cao hơn bị cáo H là phù hợp.

Đối với bà T (mẹ của H) chủ sở hữu xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 47L1 – 132.98, là phương tiện mà T và H dùng để đi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên bà T không biết H sử dụng chiếc xe này để thực hiện hành vi phạm tội nên không có cơ sở xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn có đối tượng tên S hiện chưa xác định được lại lịch, cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra khi làm rõ sẽ xử lý sau.

Trách nhiệm dân sự:

1. Chị H khai bị chiếm đoạt số tiền 3.100.000 đ gồm 3.000.000 đ chị để trong giỏ xách và 100.000đ giá trị giỏ xách. Tuy nhiên T và H không thừa nhận trong giỏ xách có 3.000.000đ, ngoài lời khai chị H không có gì chứng minh cho nên yêu cầu của chị H không có cơ sở chấp nhận. Do vậy, buộc các bị cáo chỉ phải bồi thường cho chị H trị giá giỏ xách là 100.000đ

2. Anh T, yêu cầu các bị cáo trả lại 3.500.000đ. Do anh T cầm 01 máy tính bảng hiệu Samsung Tab ST805 màu trắng, không biết đây là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có. Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu lại trả cho người bị hại, nên buộc các bị cáo phải trả lại cho anh T 3.500.000đ.

3. Chấp nhận yêu cầu của chị A, buộc bị cáo T bồi thường một xe mô tô hiệu Honda Wave S màu vàng đen biển số 47T1 – 092.71, trị giá là 14.791.000đ.

Xử lý vật chứng

Căn cứ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 41 của Bộ luật hình sự.

- Trả cho các bị cáo 3.700.000đ; 02 tượng hình con ngựa màu vàng, 02 tượng hình con rồng màu vàng, 01 cây gậy chụp hình, thân bằng kim loại màu bạc, tay cầm và đầu gậy bằng nhựa màu trắng; Trả cho bị cáo H: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng, số IMEL 352083078283314; Trả cho bị cáo T 01 Điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh đen. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tiêu hủy: 01 nạn thun, 01 gậy ba khúc bằng kim loại màu trắng có bao cán bằng cao su.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Các bị cáo T, H phạm tội “*Cướp giật tài sản*” và tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 của Bộ luật hình sự.

Xử: Bị cáo T 06 (sáu) năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 của Bộ luật hình sự.

Xử: Bị cáo T 03 (ba) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/10/2016.

2.2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 của Bộ luật hình sự.

Xử: Bị cáo H 05 (năm) năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật hình sự.

Xử: Bị cáo H 01 (một) năm tù tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/10/2016.

3. Trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 584; 585; 587; 589 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

3.1. Buộc các bị cáo T, H liên đới bồi thường cho chị H 100.000đ (một trăm ngàn đồng); Anh T 3.500.000đ (ba triệu, năm trăm ngàn đồng).

3.2. Buộc bị cáo T bồi thường cho chị A, 14.791.000đ (mười bốn triệu, bảy trăm chín mươi một ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, chị H, anh T và chị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền trên thì còn phải trả một khoản lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

4. Xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 41 của Bộ luật hình sự.

4.1. Trả cho các bị cáo T, H 3.700.000đ (*Theo biên lai thu tiền số AA/2012/0000040, ngày 09/02/2017, của Chi cục Thi hành dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng*); 02 tượng hình con ngựa màu vàng, 02 tượng hình con rồng màu vàng, 01 cây gậy chụp hình, thân bằng kim loại màu bạc, tay cầm và đầu gậy bằng nhựa màu trắng; Trả cho bị cáo H: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng, số IMEL 352083078283314; Trả cho bị cáo T 01 Điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh đen, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4.2. Tiêu hủy: 01 nạn thun, 01 gậy ba khúc bằng kim loại màu trắng có bao cán bằng cao su.

(*Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22/5/2017 giữa Công an thành phố Đà Lạt và Chi cục thi hành án thành phố Đà Lạt*).

5. Về án phí:

Căn cứ Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

5.1. Buộc: Các bị cáo T, H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5.2. Buộc: Bị cáo H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5.3. Buộc: Bị cáo T phải nộp 829.550đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niệm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKS;
- Trại giam;
- Công an TP Đà Lạt;
- THA, BP theo dõi THA phạt tù;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Mai Ngọc Lâm